

Số: 56 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 08 tháng 02 năm 2022

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2022 tỉnh Kiên Giang**

**Phần I**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH  
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2021**

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

**1. Các công tác xây dựng cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình**

Trong năm đã triển khai thực hiện Nghị Quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 02/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021.

Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 09/4/2021 về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Kiên Giang năm 2021; Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 19/7/2021 về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021; Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt danh mục dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kiên Giang.

**2. Kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện**

Ban hành Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 về đổi tên và kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Kiên Giang; Quyết định số: 1204/QĐ-UBND và 1203/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 về việc đổi tên và kiện toàn Hội đồng thẩm định và xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Kiên Giang.

**3. Công tác truyền thông và xây dựng nông thôn mới**

Công tác truyền thông và xây dựng nông thôn mới tiếp tục được chú trọng và phát huy hiệu quả, có tác động tích cực đến nhận thức của cán bộ các cấp và người dân. Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh chỉ đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp với Báo Kiên Giang, Báo Nông nghiệp Việt Nam và Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đưa tin tuyên truyền chuyên mục

xây dựng nông thôn mới hàng tuần, hàng tháng; phối hợp với các cơ quan, ban ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, vận động nhân dân nhất là trong công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, bảo vệ an ninh tổ quốc, bài trừ tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Qua đó đã làm chuyển biến tích cực trong cách làm của cán bộ, đảng viên, hội viên và Nhân dân, góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Tuy nhiên, trong công tác tuyên truyền, tuy có đổi mới nội dung, hình thức nhưng công tác tuyên truyền, vận động ở một số lĩnh vực, địa phương còn chưa có chiều sâu, chưa rộng khắp dẫn đến cách tiếp cận chương trình của một bộ phận người dân còn hạn chế.

#### **4. Kết quả huy động và sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình**

Năm 2021 đã phân bổ các nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, như sau:

- + Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương là 18.856 triệu đồng.
- + Nguồn vốn đối ứng, lồng ghép của tỉnh là 885.341 triệu đồng; trong đó:  
Vốn sự nghiệp là 121.915 triệu đồng;  
Vốn đầu tư phát triển là 763.426 triệu đồng (gồm nguồn cân đối ngân sách là 160.406 triệu đồng, nguồn thu xổ số kiến thiết là 577.720 triệu đồng và nguồn thu sử dụng đất là 25.300 triệu đồng).

#### **5. Công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình**

- Tổ chức Đoàn thẩm tra mức độ đạt tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận, thẩm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới tại thành phố Hà Tiên.
- Tổ chức đoàn thẩm định các xã đạt chuẩn nông thôn mới tại các huyện huyện: Hòn Đất, An Biên, Châu Thành, Kiên Lương, An Minh, Giang Thành và thành phố Phú Quốc.
- Hướng dẫn huyện Kiên Lương chuẩn bị hồ sơ thẩm tra huyện đạt chuẩn nông thôn mới và xã Vĩnh Điều (huyện Giang Thành) đạt chuẩn xã nông thôn mới.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới**

#### **a) Tiêu chí quy hoạch**

Có 116/116 xã đã hoàn thành, đạt 100%.

#### **b) Nhóm tiêu chí hạ tầng kinh tế - xã hội**

- Tiêu chí giao thông: lũy kế đến cuối 2021 có 111/116 xã đã hoàn thành, đạt 95,7%
- Tiêu chí thủy lợi: lũy kế đến cuối 2021 có 116/116 xã đã hoàn thành, đạt 100% (tăng 02% so với năm 2020).
- Tiêu chí điện: lũy kế đến cuối 2021 có 113/116 xã đã hoàn thành, đạt 97% (tăng 02% so với năm 2020).
- Tiêu chí trường học: lũy kế đến cuối 2021 có 104/116 xã đã hoàn thành, đạt 90% (tăng 05% so với năm 2020).
- Tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa: lũy kế đến cuối 2021 có 107/116 xã đã hoàn thành, đạt 92% (tăng 07% so với năm 2020).

- Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: lũy kế đến cuối 2021 có 115/116 xã đã hoàn thành, đạt 99% (tăng 02% so với năm 2020).
- Tiêu chí thông tin và truyền thông: lũy kế đến cuối 2021 có 114/116 xã đã hoàn thành, đạt 98%.
- Tiêu chí nhà ở dân cư: lũy kế đến cuối 2021 có 113/116 xã đã hoàn thành, đạt 97% (tăng 02% so với năm 2020).
- c) Nhóm tiêu chí kinh tế và tổ chức sản xuất
  - Tiêu chí thu nhập: lũy kế đến cuối 2021 có 114/116 xã đã hoàn thành, đạt 98% (tăng 02% so với năm 2020).
  - Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo: lũy kế đến cuối 2021 có 108/116 xã đã hoàn thành, đạt 87% (tăng 06% so với năm 2020).
  - Tiêu chí lao động có việc làm: lũy kế đến cuối 2021 có 116/116 xã đã hoàn thành, đạt 100%.
  - Tiêu chí tổ chức sản xuất: lũy kế đến cuối 2021 có 113/116 xã đã hoàn thành, đạt 97% (tăng 03% so với năm 2020).
- d) Nhóm tiêu chí văn hóa - xã hội - môi trường
  - Tiêu chí giáo dục: lũy kế đến cuối 2021 có 116/116 xã đã hoàn thành, đạt 100%.
  - Tiêu chí y tế: lũy kế đến cuối 2021 có 113/116 xã đã hoàn thành, đạt 97% (tăng 06% so với năm 2020).
  - Tiêu chí văn hóa: lũy kế đến cuối 2021 có 114/116 xã đã hoàn thành, đạt 98% (tăng 01% so với năm 2020).
  - Tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm: lũy kế đến cuối 2021 có 99/116 xã đã hoàn thành, đạt 85% (tăng 07% so với năm 2020).
- đ) Nhóm tiêu chí hệ thống chính trị
  - Tiêu chí hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: lũy kế đến cuối 2021 có 109/116 xã đã hoàn thành, đạt 94% (tăng 03% so với năm 2020).
  - Tiêu chí quốc phòng và an ninh: lũy kế đến cuối 2021 có 108/116 xã đã hoàn thành, đạt 93%.

## 2. Mức độ đạt chuẩn nông thôn mới

### a) Kết quả đạt chuẩn xã nông thôn mới

Trong năm 2021 có thêm 11/09 xã đạt chuẩn nông thôn mới<sup>1</sup> (đạt 122.2% kế hoạch năm 2021), lũy kế cuối năm 2021 có 90/116 xã đạt chuẩn, chiếm 77,6%, các xã còn lại đạt từ 12 tiêu chí trở lên. Toàn tỉnh bình quân đạt 18,2 tiêu chí/xã.

#### **\* Kết quả năm 2021 về 19 tiêu chí trong 116 xã, như sau:**

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 90 xã, chiếm 77,6 %.
- Số xã đạt 15 tiêu chí trở lên: 19 xã, chiếm 16,4 %.
- Số xã đạt 10-14 tiêu chí: 07 xã, chiếm 6 %.
- Đạt 6-9 tiêu chí: không có.

Các huyện, thành phố cơ bản đạt từ 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới trở lên như: Tân Hiệp (10/10 xã), Giồng Riềng (18/18 xã), Gò Quao (10/10 xã),

<sup>1</sup> 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới gồm: Bãi Thơm, Cửa Dương (huyện Phú Quốc); Văn Khánh Đông, Thuận Hòa (huyện An Minh); Thạnh Lộc, Minh Hòa (huyện Châu Thành); Đông Thái, Nam Thái (huyện An Biên); Linh Huỳnh, Mỹ Phước và Nam Thái Sơn (huyện Hòn Đất).

Vĩnh Thuận (7/7 xã), Hà Tiên (2/2 xã), Rạch Giá (1/1 xã), Kiên Lương (5/7 xã), Châu Thành (7/9 xã), U Minh Thượng (4/6 xã), Kiên Hải (2/4 xã), An Biên (5/8 xã), Hòn Đất (7/12 xã), An Minh (6/10), Phú Quốc (4/7 xã). Riêng huyện Giang Thành đạt 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (2/5 xã).

**b) Kết quả đạt chuẩn huyện nông thôn mới**

Đến nay, ngoài huyện Tân Hiệp, Giồng Riềng và Gò Quao được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đối với huyện Vĩnh Thuận và thành phố Hà Tiên đã hoàn tất hồ sơ báo cáo Hội đồng thẩm định Trung ương họp xét trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Vĩnh Thuận đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố Hà Tiên hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Một số kết quả đạt được**

Được sự quan tâm, hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương có liên quan; sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và sự phối hợp tích cực của các sở, ban ngành, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, địa phương và sự chung tay góp sức của người dân, tiêu chí nông thôn mới của các xã trên địa bàn tỉnh tiếp tục tăng, lũy kế đến cuối năm 2021 các xã đều đạt từ 12 tiêu chí trở lên, cơ bản các tiêu chí đều đạt so với kế hoạch của tỉnh.

Công tác tuyên truyền, vận động đã được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp phát động bằng nhiều phong trào thiết thực, phong trào thi đua đã phát huy được hiệu quả. Nhiều địa phương đã quyết tâm nỗ lực trong phấn đấu đạt chuẩn xã/ huyện nông thôn mới.

Xây dựng nông thôn mới góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn trên địa bàn tỉnh, kết cấu hạ tầng kỹ thuật- kinh tế xã hội, nhất là hệ thống điện, đường, trường, trạm, cơ sở vật chất văn hóa, công trình thủy lợi... ngày càng được đầu tư cơ bản, đồng bộ và hoàn thiện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân, cùng với những chính sách về đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, ưu đãi cho phát triển kinh tế tập thể,... góp phần nâng cao hiệu quả phát triển sản xuất, nâng cao giá trị lao động cho lao động nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân, cụ thể:

- Hệ thống giao thông nông thôn, năm 2021 giao thông nông thôn tiếp tục được quan tâm đầu tư phát triển, xây dựng mới 170/240 km đạt 70,83%; nâng cấp, mở rộng 60/220 km đạt 27,27%. Nâng tổng số km đường giao thông nông thôn trên địa bàn được cứng hóa là 6.535/9.565 km, đạt 68,32% (năm 2020 là 6.365/9.565 km đạt 66,54%), góp phần đáp ứng nhu cầu đi lại thuận lợi, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, thúc đẩy tiêu thụ nông sản.

- Điện nông thôn, năm 2021 đầu tư 13 công trình cải tạo lưới điện phục vụ sinh hoạt: cải tạo đường dây trung thế 22,8 km; cải tạo đường dây hạ thế 199,7 km; tổng dung lượng trạm biến áp cải tạo 19.439,5 kVA; tổng vốn đầu tư là 47,96 tỷ đồng.

- Hệ thống thủy lợi tiếp tục được quan tâm, đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển sản xuất và sinh hoạt của dân cư, tổ chức thực hiện tốt, có hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về thủy lợi và nước sạch nông thôn; phối hợp chặt chẽ các địa phương vận hành đóng mở hệ thống cống ven biển Tây, hệ thống thủy lợi Ô Môn- Xà No theo yêu cầu từng thời điểm để phục vụ tốt cho sản xuất

lúa, nuôi trồng thủy sản, nước sinh hoạt của Nhân dân.

- Hệ thống giáo dục- đào tạo tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, hệ thống trường, lớp học, trang thiết bị được đầu tư; phương pháp dạy học, kiểm tra, kiểm định đánh giá chất lượng giáo dục được đổi mới; chuẩn hoá đội ngũ nhà giáo các cấp. Năm học 2020-2021, toàn ngành có 643 đơn vị, trường học, trong đó có 293/619 cơ sở giáo dục công lập đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 47,33% (vượt 0,33% so với chỉ tiêu).

- Về lĩnh vực y tế, chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân từng bước được cải thiện; tiếp tục nâng cao năng lực, chất lượng khám và chữa bệnh, duy trì các kỹ thuật y tế chất lượng cao và tăng cường chuyển giao công nghệ cho tuyến dưới. Tăng cường công tác y tế dự phòng; chủ động triển khai các biện pháp kiểm soát, phòng chống dịch bệnh. Tiếp tục thực hiện các giải pháp phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, tuyên truyền vận động Nhân dân tham gia bảo hiểm y tế. Năm 2021, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 7,12%, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 83,57%, toàn tỉnh có 116/116 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (đạt 100%).

- Thực hiện các chính sách xã hội, lao động và việc làm; công tác chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới: tiếp tục thực hiện các giải pháp giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho người lao động, giảm thất nghiệp; trong năm đã giải quyết việc làm cho 33.860/31.500 lượt lao động (trong đó: giải quyết việc làm trong tỉnh 20.639 lượt lao động; ngoài tỉnh 13.221 lượt lao động), đạt 107,5% so với kịch bản<sup>2</sup>; tuyển sinh, đào tạo nghề cho 21.250/21.500 người đạt gần 100% so với kịch bản, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 68,72%, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 50,43%. Tỷ lệ hộ nghèo từ 1,91% giảm còn 1,65% (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020).

- Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: tổng số trạm cấp nước, hồ nước đang quản lý là 54 trạm và 04 hồ chứa nước; tổng số khách hàng đang quản lý là 73.225 hộ thuộc 81 xã/14 huyện, thành phố, góp phần nâng tỷ lệ hộ dân khu vực nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 98,28%, trong đó tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch là 63,17% (kế hoạch được giao 62%).

- Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo. Chất lượng công tác thẩm định, cấp phép trong lĩnh vực môi trường, đa dạng sinh học được nâng cao; làm tốt công tác thẩm định tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp; quan tâm triển khai hướng dẫn và thẩm định tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Công tác quản lý thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại công nghiệp cũng được tăng cường kiểm soát, theo dõi.

- Về phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập

+ Sản xuất nông nghiệp phát triển gắn với nhiều thành quả đạt được từ thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp, công tác ứng dụng, chuyển giao giống mới, kỹ thuật canh tác, quy trình sản xuất thích ứng hơn với biến đổi khí hậu được đẩy mạnh; các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, được tăng cường áp

<sup>2</sup> Do bị ảnh hưởng đại dịch Covid -19 toàn tỉnh thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch Covid-19, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Lao động – TB&XH xây dựng kịch bản phát triển kinh tế xã hội toàn ngành, trong đó điều chỉnh chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2021, cụ thể gồm: theo Nghị quyết HĐND tỉnh giao giải quyết việc làm toàn tỉnh 35.000 lượt người, điều chỉnh thành 31.500 lượt lao động và chỉ tiêu tuyển sinh, đào tạo nghề từ 25.000 người, điều chỉnh còn 21.250 người.

KIẾN

dụng. Hình thành nhiều cánh đồng lớn trên lúa, vùng nuôi tôm tập trung với quy mô lớn theo phương pháp thâm canh và từng bước bền vững về môi trường sinh thái. Phát triển hình thức nuôi tôm bán thâm canh, thâm canh, công nghiệp, nuôi cá lồng bè, nuôi tôm công nghiệp- bán công nghiệp vùng Tứ giác Long Xuyên và tôm - lúa vùng U Minh Thượng. Từng bước ứng dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt theo tiêu chuẩn quốc tế và quốc gia trong nuôi tôm như: Viet-GAP, Global GAP... cây tiêu ổn định sản xuất ở huyện Gò Quao, Giồng Riềng; cây khóm ổn định sản xuất ở Châu Thành, Gò Quao và Vĩnh Thuận. Năm 2021, toàn tỉnh gieo trồng lúa đạt 715.700,7 ha, diện tích lúa chất lượng cao đạt 93,85% diện tích gieo trồng, sản lượng lúa năm 2021 là 4.508.906 tấn; Tổng số cánh đồng lớn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn toàn tỉnh đạt 651 cánh đồng, với 53.478 ha.

+ Kinh tế tập thể tiếp tục được quan tâm, trong năm đã thành lập mới 15/15 Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp, sáp nhập và giải thể 05 HTX. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 442 HTX (354 HTX trồng trọt, 86 HTX thủy sản, 02 HTX chăn nuôi).

+ Từ đầu tư kết cấu hạ tầng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, phát triển các mô hình sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, đã góp phần nâng cao thu nhập cho người dân khu vực nông thôn.

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): năm 2021, có 89/70 sản phẩm OCOP hạng 3 sao trở lên<sup>3</sup> (đạt 127,1% kế hoạch). Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 107 sản phẩm OCOP hạng 3 sao trở lên.

## 2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong thực hiện Chương trình vẫn còn một số tồn tại khó khăn như:

- Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới của một số địa phương vẫn còn khoảng cách chênh lệch lớn; chất lượng đạt chuẩn và công tác duy trì bền vững của một số xã sau đạt chuẩn còn hạn chế.

- Việc xã hội hóa nguồn lực xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương còn khó khăn do thu nhập người dân nông thôn còn thấp, vốn huy động từ các doanh nghiệp hạn chế, đặc biệt khó khăn ở các huyện vùng sâu.

- Mặc dù hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nhất là về giao thông và cơ sở vật chất văn hóa đã được đầu tư xây dựng nhưng trong quản lý và khai thác sử dụng còn nhiều bất cập, một số công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn các xã xuống cấp.

- Vấn đề vệ sinh môi trường bước đầu được quan tâm, chỉ đạo tuy nhiên vẫn còn tình trạng ô nhiễm môi trường ở từng lúc, từng nơi vẫn còn xảy ra; hạ tầng kỹ thuật về xử lý rác thải, nước thải chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế phát sinh; kinh phí được phân bổ chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Về sản xuất còn hạn chế, khó khăn, nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh nhưng phát triển theo hướng quy mô lớn chưa nhiều, chủ yếu sản xuất nhỏ lẻ, vẫn phụ thuộc nhiều vào yếu tố tự nhiên, mùa vụ và giá cả thị trường. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp mặc dù đã đạt nhiều kết quả

<sup>3</sup> 89 sản phẩm OCOP gồm: 54 sản phẩm đã được UBND tỉnh công nhận và 35 sản phẩm đã thông qua hội đồng đánh giá, đang trình UBND tỉnh công nhận theo quy định (68 sản phẩm 3 sao, 15 sản phẩm 4 sao, 06 sản phẩm 5 sao cấp tỉnh).



tích cực, nhưng chưa đồng đều. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có nhiều tiến bộ nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu; tổ chức sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp với nông dân và hợp tác xã chưa phổ biến, tỷ lệ giá trị liên kết còn thấp. Mô hình liên kết cánh đồng lớn, liên kết sản xuất có tăng so với cùng kỳ (chiếm 7,56% diện tích lúa thu hoạch) nhưng còn thiếu bền vững, chưa tìm được đầu ra cho sản phẩm hàng hóa nông thủy sản sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap, hữu cơ,... từ đó cũng làm hạn chế việc mở rộng quy mô sản xuất.

- Các sản phẩm OCOP của tỉnh vẫn còn hạn chế đầu ra sản phẩm, cần phải tập trung kết nối thị trường tiêu thụ.

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân nông thôn, nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn phải thu hẹp quy mô sản xuất; việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 ảnh hưởng đến công tác triển khai thực hiện Chương trình gặp nhiều khó khăn và ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Chương trình so với kế hoạch.

## **Phần II**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2022**

#### **I. MỤC TIÊU NĂM 2022**

- Phân đầu xây dựng thêm 14 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có thêm 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Hoàn thành các chỉ tiêu về: tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt 64,1%; giải quyết việc làm cho 35.000 lượt lao động; mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giữ ở mức 01% (tỷ lệ hộ nghèo giảm theo tiêu chí mới của Trung ương giao); tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế 90% trở lên.

- Duy trì và nâng cao chất lượng các xã, huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới. Đồng thời, xây dựng kế hoạch triển khai xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

#### **II. NHIỆM VỤ-GIẢI PHÁP**

1. Các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và cư dân nông thôn. Thường xuyên phổ biến các mô hình, các điển hình tiên tiến để nhân rộng.

2. UBND các huyện thành phố tiếp tục rà soát, thực hiện các chỉ tiêu năm 2021; nghiên cứu, xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm 2022 phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Cần tập trung hoàn thành các nội dung, tiêu chí theo kế hoạch, trong đó, chú trọng phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu, chú trọng khai thác được lợi thế địa phương, đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp gắn với liên kết theo chuỗi giá trị.

3. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả, phát triển dịch vụ và ngành nghề nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn; tăng cường công tác bảo vệ môi trường (nhất là xử lý chất thải rắn, nước thải, cây xanh, cảnh quan môi trường...).



4. Tăng cường thực hiện có hiệu quả các giải pháp huy động nguồn lực; thực hiện lồng ghép, thống nhất cơ chế đầu tư, hỗ trợ trên cùng địa bàn. Huy động tối đa nguồn lực của địa phương để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

5. Tiếp tục giữ vững và củng cố hệ thống Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp/ Ban Quản lý theo hướng chuyên nghiệp, nâng cao năng lực trong công tác tham mưu, nâng cao hiệu quả, chất lượng.

6. Các sở, ban ngành chức năng có liên quan thường xuyên hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nội dung, tiêu chí thuộc ngành, đơn vị phụ trách; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc tại cơ sở cùng địa phương hoàn thành tốt Kế hoạch đề ra.

7. Tăng cường công tác giám sát, trong đó chú trọng quản lý chặt chẽ việc sử dụng các nguồn lực thực hiện Chương trình. Tiếp tục phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư.

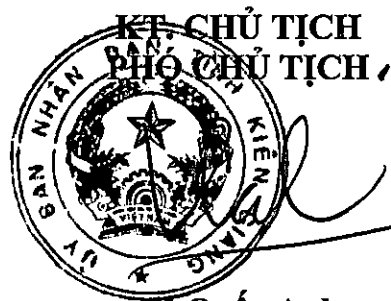
### III. ĐỀ XUẤT- KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Trung ương sớm ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới các cấp (tỉnh, huyện, xã) theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu) giai đoạn 2021- 2025. Sớm có kế hoạch giao vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025, để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện Chương trình.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021, kế hoạch năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. *Tay*

#### Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh (Đảng, CQ, ĐT và DNNN);
- Văn phòng ĐPNTM tỉnh;
- UBND các huyện, TP.
- LĐVP, Phòng: KT;
- Lưu: VT, tvhung.



Lê Quốc Anh



## PHỤ LỤC

### Bảng tổng hợp 19 tiêu chí xã nông thôn mới đến tháng 12 năm 2021

(Kèm theo Báo cáo số 56 /BC-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Stt	Địa phương/ Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CS VH	CS HT	TT	Nhà	TN	HN	LĐ	TC	GD	YT	VH	MT	HT CT	QP		
<b>I</b>	<b>TP Rạch Giá (1)</b>																					
1	Xã Phi Thông	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
<b>II</b>	<b>TP Hà Tiên (3)</b>																					
2	Xã Tiên Hải	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
3	Xã Thuận Yên	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
<b>III</b>	<b>TP. Phú Quốc (7)</b>																					
4	Xã Cửa Cạn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
5	Xã Cửa Dương	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
6	Xã Dương Tơ	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x			x	15	
7	Xã Hàm Ninh	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	18	
8	Xã Gành Dầu	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
9	Xã Bãi Thơm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
10	Xã Thổ Châu	x	x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x			x	14	
<b>VI</b>	<b>Huyện Giang Thành (5)</b>																					
11	Xã Vĩnh Điều	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x			x	16	
12	Xã Vĩnh Phú	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x		16	
13	Xã Tân Khánh Hòa	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
14	Xã Phú Lợi	x	x	x	x	x		x	x				x	x	x	x	x			x	13	
15	Xã Phú Mỹ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
<b>V</b>	<b>Huyện Kiên Lương (7)</b>																					
16	Xã Kiên Bình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		18	
17	Xã Hòa Điền	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
18	Xã Bình Trị	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		18	
19	Xã Bình An	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
20	Xã Dương Hòa	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận

NHẬN

Stt	Địa phương/ Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CS VH	CS HT	TT	Nhà	TN	HN	LĐ	TC	GD	YT	VH	MT	HT CT	QP		
21	Xã Hòn Nghệ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
22	Xã Sơn Hải	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
<b>VI</b>	<b>Huyện Hòn Đất (12)</b>																					
23	Xã Mỹ Lâm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
24	Xã Sơn Kiên	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
25	Xã Thổ Sơn	x	x	x	x			x	x		x		x	x	x	x	x		x	x	14	
26	Xã Bình Sơn	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x		x		x		14	
27	Xã Bình Giang	x	x	x		x		x		x	x		x	x	x	x	x				12	
28	Xã Mỹ Thái	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
29	Xã Nam Thái Sơn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
30	Xã Mỹ Hiệp Sơn	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		x	x	16	
31	Xã Sơn Bình	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	14	
32	Xã Mỹ Thuận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
33	Xã Linh Huỳnh	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
34	Xã Mỹ Phước	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
<b>VII</b>	<b>Huyện Kiên Hải (4)</b>																				0	
35	Xã Hòn Tre	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
36	Xã Lại Sơn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
37	Xã An Sơn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x		16	
38	Xã Nam Du	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		17	
<b>VIII</b>	<b>Huyện Tân Hiệp (10)</b>																					
39	Xã Tân Hiệp A	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
40	Xã Thạnh Đông A	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
41	Xã Tân Hiệp B	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
42	Xã Tân Hòa	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
43	Xã Tân An	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
44	Xã Tân Hội	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
45	Xã Thạnh Đông B	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
46	Xã Thạnh Đông	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận

[illegible]

Stt	Địa phương/ Chi tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CS VH	CS HT	TT	Nhà	TN	HN	LĐ	TC	GD	YT	VH	MT	HT CT	QP		
74	Xã Thạnh Hòa	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
75	Xã Thạnh Bình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
<b>XI</b>	<b>Huyện Gò Quao (10)</b>																					
76	Xã Định An	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
77	Xã Định Hòa	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
78	Xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
79	Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
80	Xã Thủy Liễu	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
81	Xã Thới Quản	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
82	Xã Vĩnh Phước A	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
83	Xã Vĩnh Phước B	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
84	Xã Vĩnh Thắng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
85	Xã Vĩnh Tuy	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
<b>XII</b>	<b>Huyện U Minh Thượng (6)</b>																					
86	Xã Thạnh Yên	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
87	Xã Vĩnh Hòa	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
88	Xã Thạnh Yên A	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
89	Xã Hòa Chánh	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
90	Xã Minh Thuận	x	x	x	x			x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	15	
91	Xã An Minh Bắc	x	x	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x	x		x	x	15	
<b>XIII</b>	<b>Huyện An Minh (10)</b>																					
92	Xã Đông Hòa	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		18	
93	Xã Vân Khánh	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
94	Xã Vân Khánh Đông	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
95	Xã Đông Hưng A	x		x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	16	
96	Xã Thuận Hòa	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
97	Xã Tân Thạnh	x		x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	16	
98	Xã Vân Khánh Tây	x		x			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x		14	
99	Xã Đông Hưng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận

Stt	Địa phương/ Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CS VH	CS HT	TT	Nhà	TN	HN	LĐ	TC	GD	YT	VH	MT	HT CT	QP		
100	Xã Đông Hưng B	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
101	Xã Đông Thanh	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
<b>XIV</b>	<b>Huyện Vĩnh Thuận (7)</b>																					
102	Xã Vĩnh Bình Bắc	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
103	Xã Vĩnh Phong	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
104	Xã Vĩnh Bình Nam	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
105	Xã Tân Thuận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
106	Xã Vĩnh Thuận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
107	Xã Bình Minh	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
108	Xã Phong Đông	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
<b>XV</b>	<b>Huyện An Biên (8)</b>																					
109	Xã Đông Yên	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
110	Xã Tây Yên A	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
111	Xã Hưng Yên	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	16	
112	Xã Tây Yên	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	18	
113	Xã Đông Thái	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
114	Xã Nam Yên	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
115	Xã Nam Thái	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	Đã công nhận
116	Xã Nam Thái A	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		16	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>116</b>	<b>111</b>	<b>116</b>	<b>113</b>	<b>104</b>	<b>107</b>	<b>115</b>	<b>114</b>	<b>113</b>	<b>114</b>	<b>108</b>	<b>116</b>	<b>113</b>	<b>116</b>	<b>113</b>	<b>114</b>	<b>99</b>	<b>109</b>	<b>108</b>		
Tỷ lệ đạt %		100	95,7	100	97,4	89,7	92,2	99,1	98,3	97,4	98,3	93,1	100	97,4	100	97,4	98,3	85,3	94,0	93,1		
Bình quân số tiêu chí đạt /xã																					18,2	

- Xã đạt 19 tiêu chí: 90 xã
- Xã đạt 15-18 tiêu chí: 19 xã
- Xã đạt 10-14 tiêu chí: 7 xã
- Xã đạt dưới 10 tiêu chí: 0 xã

11